

Số: 47/NQ-HĐND

Trung Thành, ngày 09 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ
phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 phường Trung Thành**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TRUNG THÀNH
KHOÁ II, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của
HĐND tỉnh Thái Nguyên về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030
tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của
HĐND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ
phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định 2611/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND
tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh
Thái Nguyên về điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2026 của UBND
tỉnh Thái Nguyên về việc giao điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát
triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND
phường Trung Thành về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm
2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND
phường Trung Thành về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030
phường Trung Thành;*

*Xét Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 03/9/2026 của Ủy ban nhân dân phường
Trung Thành về việc điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh
tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 phường Trung Thành ; Báo cáo thẩm
tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của
các vị đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại Kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 phường Trung Thành, cụ thể như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Trung Thành khóa II, Kỳ họp thứ Tám (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 9 năm 2026/.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- Các Ban của HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Văn phòng HĐND và UBND phường;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT. CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tạ Hồng Sơn



PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIỚI ĐOẠN 2026-2030, PHƯỜNG TRUNG THÀNH
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/9/2026 của HĐND phường Trung Thành)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu giao tại Nghị quyết 28/NQ- HĐND ngày 19/12/2025	Chỉ tiêu phát triển KT-XH giai đoạn 2026- 2030 sau điều chỉnh, bổ sung
1	Khoa học công nghệ - Chuyển đổi số			
-	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	%	100	100
-	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%	100	100
-	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	100	100
-	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	100	100
2	Nông nghiệp và Môi trường			
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	Không còn hộ nghèo	0,19
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định	%	100	99
-	Sản lượng cây lương thực có hạt đến năm 2030	Tấn		9.480
-	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đến năm 2030	Tấn		6.850
3	Chỉ tiêu kinh tế			
-	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm	%	11	10,8
-	Giá trị sản xuất trên địa bàn một số lĩnh vực chủ yếu đến năm 2030 tăng bình quân hàng năm			
	Ngành công nghiệp	%	13	
	Ngành Thương mại - Dịch vụ	%	15	
	Ngành Nông, lâm, thủy sản	%	4	

4	Thu ngân sách			
-	Thu nội địa	Triệu đồng		2.070.104
-	Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng		1.266.600
-	Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết	Triệu đồng	Tăng BQ 12%/năm	803.504
-	Tốc độ tăng thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu	%		-9,5
5	Y tế, nội vụ			
-	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe		≥ 95	100
-	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	98	100
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%		100
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%		<3
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (đến năm 2030)	%	5,8	
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (đến năm 2030)	%	15	
-	Tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em dưới 24 tháng	%	96	
6	Thu nhập bình quân đầu người (Đến năm 2030)	Triệu đồng/người/năm	120	120
7	Văn hóa - Giáo dục			
-	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	95%	97
-	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%	98%	100
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	100	100
-	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	100	100
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>85	>85
8	Xây dựng - Công nghiệp			
-	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại thành thị	%		100

-	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn , quy chuẩn đạt yêu cầu theo loại đô thị tương ứng	%		70
9	Quốc phòng			
-	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số	%		2,00
-	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%		25,22
10	Chỉ tiêu An ninh			
-	Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông trên 3 tiêu chí hằng năm (số vụ, số người chết, số người bị thương)	%		5
-	Tỷ lệ giảm số vụ cháy cấp III và không để xảy ra vụ cháy đặc biệt nghiêm trọng cấp V hằng năm	%		5





PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NĂM 2026, PHƯỜNG TRUNG THÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/9/2026 của HĐND phường Trung Thành)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu giao tại Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 19/12/2025	Chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2026 sau điều chỉnh, bổ sung
1	Khoa học công nghệ - Chuyển đổi số			
-	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	%		100
-	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%		100
-	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%		95
-	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%		80
2	Nông nghiệp và Môi trường			
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	Tỷ lệ hộ nghèo còn 0,5%	0,19
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định	%	100	91
-	Sản lượng cây lương thực có hạt	Tấn	9.338,1	9.338,1
-	Tổng đàn vật nuôi (gia súc 18.002 con, gia cầm 151.380 con)	con	169.382	169.382
3	Chỉ tiêu kinh tế			
-	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm	%		11,2
-	Thu ngân sách		Tăng 10% so với dự toán HĐND giao	
	Thu nội địa	Triệu đồng		320.870

	Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng		200.000
	Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết	Triệu đồng		120.870
4	Y tế, nội vụ			
-	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe			100
-	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	98	96,22
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%		100
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%		<3
5	Ngành Y tế			
-	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	Người		390
-	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%		52
-	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (<i>Down, Edward, Patau, Thalassemia</i>)	%		50
-	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (<i>suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh</i>)	%		65
-	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm	%		82
-	Tỷ suất sinh thô	%	9,26	9,26
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	< 6	< 6
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	< 15	< 15
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/năm		75
7	Văn hóa - Giáo dục			
-	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	98	95
-	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%	100	100
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	100	100

-	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	100	100
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>82	>82
-	Duy trì tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo và tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	%	100	100
8	Xây dựng - Công nghiệp			
-	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại thành thị	%	100	96
-	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn , quy chuẩn đạt yêu cầu theo loại đô thị tương ứng	%		50
9	Quốc phòng			
-	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số	%		1,95
-	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%		100
10	Chỉ tiêu An ninh			
-	Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông trên 3 tiêu chí hằng năm (số vụ, số người chết, số người bị thương)	%		5
-	Tỷ lệ giảm số vụ cháy cấp III và không để xảy ra vụ cháy đặc biệt nghiêm trọng cấp V hằng năm	%		5